TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Ông Long Văn Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2021/QĐXXST-HNGD ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐ-TA ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đoàn Thị Ngọc L - sinh năm 1991;

HKTT: Tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 07, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Bị đơn: Nông Sỹ Đ - sinh năm 1989;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đoàn Thị Ngọc L trình bày: Chị L và anh Nông Sỹ Đ đăng ký kết hôn ngày 09/5/2013 tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại 2 bên gia đình. Sau khi kết hôn, anh Đ phụ giúp bố mẹ ruột của anh Đ kinh doanh hàng ăn uống còn chị L công tác tại Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh Đ tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chồng ham chơi, không quan tâm đến vợ con, bạo lực gia đình. Mâu thuẫn ngày càng lớn, có cãi chửi, xô xát. Hai bên gia đình biết về mâu thuẫn của hai vợ chồng có khuyên bảo, đóng góp ý kiến, tuy nhiên hai vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay, khi ly thân chịLchuyển đến sinh sống tại tổ 7, phường Đ, thành phố Cao Bằng đến nay. Quá trình ly thân vợ chồng có liên lạc để hỏi thăm con, nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn. Khi xảy ra mâu thuẫn chưa nhờ đến tổ chức đoàn thể nào hòa giải. Ngoài những nguyên nhân trên, không còn nguyên nhân nào khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa chị L xác định tình cảm hai bên không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nếu có kéo dài thêm thời gian thì cũng không có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nông Hà L - sinh ngày 14/9/2013 (giới tính: Nữ) và Nông Hương T – sinh ngày 28/8/2015 (giới tính: Nữ). Hiện nay hai cháu đang sống với bố và ông bà nội tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng. Khi ly hôn, chị L đề nghị giao cháu Nông Hà L - sinh ngày 14/9/2013 (giới tính: Nữ) cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Còn cháu Nông Hương T– sinh ngày 28/8/2015 (giới tính: Nữ) do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Sỹ Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, gia đình phía bị đơn trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn: Ông Nông Bá T và bà Đinh Thị Y (là bố mẹ đẻ của anh Nông Sỹ Đ tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng) xác nhận anh Nông Sỹ Đ và chị Đoàn Thị Ngọc L kết hôn từ năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Nông Sỹ Đ và Đoàn Thị Ngọc L sống cùng gia đình ông T bà Y tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vợ chồng anh Nông Sỹ Đ và Đoàn Thị Ngọc L có 02 con chung. Đến năm 2018, anh Nông Sỹ Đ phát hiện chị L quan hệ bất chính ngoài hôn nhân, kể từ đó vợ chồng anh Đ chị L thường xuyên mâu thuẫn. Đến tháng 5 năm 2018 vợ chồng anh Đ và chị L ly thân, chị L đi thuê trọ bên ngoài. Hiện nay hai con chung của anh chị đang sống với bố và ông bà nội tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2021, cháu Nông Hà L cho biết nguyện vọng của cháu là sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn vì bố chăm sóc, quan tâm cháu hơn.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2021, tổ trưởng tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xác nhận: anh Nông Sỹ Đ và chị Đoàn Thị Ngọc L cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ chị L có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh đập nhau, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chính quyền địa phương chưa được hòa giải mâu thuẫn cũng như chưa nhận được đơn thư của gia đình anh Đ yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng anh Đ và chị L. Hiện nay, vợ chồng anh Đ chị L đã ly thân, chị L đã không còn sinh sống, cư trú cùng anh Đ tại tổ 01, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm. Quan điểm của việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Ngọc L. Việc nuôi con chung: sau khi ly hôn giao cháu Nông Hà L cho anh Nông Sỹ Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn cháu Nông Hương T giao cho chị Đoàn Thị Ngọc L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Đoàn Thị Ngọc L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đ tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nông Sỹ Đđều vắng mặt không có lý do. Xét thấy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Nông Sỹ Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ngọc L và anh Nông Sỹ Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng vào ngày 09/5/2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn, chị L và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do anh Đ ham chơi, không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm sống, còn theo bố mẹ anh Đ là do có quan hệ bất chính ngoài hôn nhân. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra cãi chửi, xô xát. Gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn.

Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập anh Đ tham gia tố tụng nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh Đ không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị L và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 (hai) con chung Nông Hà L - sinh ngày 14/9/2013 (giới tính: Nữ) và Nông Hương T– sinh ngày 28/8/2015 (giới tính: Nữ). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L thống nhất trường hợp ly hôn sẽ giao con chung Nông Hà L cho anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Còn giao cháu Nông Hương T cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hai bên đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị L xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc L. Xử cho chị Đoàn Thị Ngọc L được ly hôn anh Nông Sỹ Đ.

- Về con chung: Giao con chung Nông Hà L (sinh ngày 14/9/2013 (giới tính: Nữ) cho anh Nông Sỹ Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Giao con chung Nông Hương T – sinh ngày 28/8/2015 (giới tính: Nữ) cho chị Đoàn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001094 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hoài Phương